

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST.  
Ngày 08 - 5 - 2020.  
V/v: Không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Xuân Mạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn Phong.

Bà Nguyễn Thị Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST - HNGĐ ngày 06-02-2020 về việc Không công nhận vợ chồng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐ - ST ngày 22/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1965.

Bị đơn: Ông Trần Phi H (Trần Mạnh H) – Sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: số nhà 14, đường Đ, tiểu khu A2, TT C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà T và ông H đều có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do: Tòa án giải quyết trong thời gian còn giãn cách xã hội do dịch bệnh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T và ông Trần Phi H (Trần Mạnh H) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đến UBND nơi cư trú để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, cũng đã ly thân nhiều năm nay và không còn tình

cảm với nhau nữa. Bà T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh không công nhận bà T và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Bà T và ông H có với nhau 02 con chung tên Trần Quang H sinh năm 1989 và Trần Quang H1 sinh năm 1993, hiện các cháu đã có gia đình ở riêng. Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà T và ông H đã thỏa thuận tự phân chia tài sản chung, chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản theo biên bản lập ngày 02/3/2020 tại gia đình có sự chứng kiến của hai người con chung. Về công nợ chung: không có.

Nội dung biên bản thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phi H (Trần Mạnh H) có tài sản chung là 01 ngôi nhà 02 tầng, xây dựng năm 1988 trên diện đất 77m<sup>2</sup>, thửa số 142, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại số nhà 14, đường Đ, tiểu khu A2, TT C, huyện T, tỉnh Nam Định. Hiện thửa đất này chưa làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất, hồ sơ và bản đồ địa chính đứng tên ông Trần Phi H. Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phi H (Trần Mạnh H) thỏa thuận, bà T được quyền sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà 02 tầng, xây dựng năm 1988 trên diện đất 77m<sup>2</sup>, thửa số 142, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại số nhà 14, đường Đ, tiểu khu A2, TT C, huyện T, tỉnh Nam Định, bà T có trách nhiệm trả cho ông Trần Phi H số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ, một trăm triệu VNĐ). Ông H cam kết không tranh chấp, đòi hỏi quyền lợi gì đối với nhà đất trên. Bà T nhận trách nhiệm làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất sang tên bà Nguyễn Thị T.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn xin vắng mặt ông Trần Phi H (Trần Mạnh H) trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như bà T trình bày, ông và bà T chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, Ông H và bà T đã thỏa thuận theo biên bản lập ngày 02/3/2020 tại gia đình có sự chứng kiến của hai người con chung, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận.

Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phi H (Trần Mạnh H) đều nộp đơn xin giải quyết vắng mặt, vì lý do tình hình dịch bệnh corona, vẫn còn giãn cách xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phi H (Trần Mạnh H) đều cư trú tại số nhà 14, đường Đ, tiểu khu A2, TT C, huyện T, tỉnh Nam Định. Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phi H (Trần Mạnh H) đều nộp đơn xin giải quyết vắng mặt, vì lý do tình hình dịch bệnh corona, vẫn còn giãn cách xã hội. Bà T và ông H yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân, không công nhận là vợ chồng, ngoài ra về con chung, tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phi H (Trần Mạnh H) đều xác nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc này có giấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. Nay bà T và ông H đều yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận cuộc sống chung giữa bà T và ông H là vợ chồng. HĐXX xét thấy: tại khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đã quy định từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Căn cứ quy định trên, chấp nhận yêu cầu của bà T và ông H, không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phi H (Trần Mạnh H) là vợ chồng theo qui định của pháp luật.

[3] Về con chung: bà T và ông H có với nhau 02 con chung tên Trần Quang H sinh năm 1989 và Trần Quang H1 sinh năm 1993. Hiện các cháu đã trưởng thành có gia đình ở riêng. HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không giải quyết. Bà T và ông H đều yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận theo biên bản lập ngày 02/3/2020 giữa bà T và ông H có sự chứng kiến của các con.

[5] Án phí: Bà T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phi H (Trần Mạnh H) là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận định đoạt tài sản chung của bà T và ông H theo biên bản lập ngày 02/3/2020 giữa bà T và ông H có sự chứng kiến của các con. Nội dung biên bản: bà Nguyễn Thị T và ông Trần Phi H (Trần Mạnh H) thỏa thuận, bà T được quyền sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà 02 tầng, xây dựng năm 1988 trên diện đất 77m<sup>2</sup>, thửa số 142, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại số nhà 14, đường Đ, tiểu khu A2, TT C, huyện T, tỉnh Nam Định, bà T có trách nhiệm trả cho ông Trần Phi H số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ, một trăm triệu VNĐ). Ông H cam kết không tranh chấp, đòi hỏi quyền lợi gì đối với nhà đất trên. Bà T nhận trách nhiệm làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất sang tên bà Nguyễn Thị T.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội.

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 05117 ngày 06-02-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Trong thời hạn 15 ngày: Bà T và ông H có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành To quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự; có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS Huyện Trực Ninh;
- UBND xã ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Mai Xuân Mạnh**